

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng cho Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tràng Duệ - khu A và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng (địa chỉ tại lô đất KT3 Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng) được xả nước thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tràng Duệ - khu A vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Lạch Tray tại xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

2. Vị trí xả nước thải: tại xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 6°), như sau:

X: 2306918.012

Y: 584416.277

3. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 được bơm vào mương quan trắc nước thải sau xử lý, chảy ra hố ga xả thải, sau đó được dẫn qua đường ống xả ra sông Lạch Tray.



- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2 xả ra hồ chứa nước sau xử lý, sau đó được bơm vào đường ống xả ra sông Lạch Tray.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất là 8.000 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

- Giai đoạn 1 (từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2021): thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 1,0$ và $K_f = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số $K = 1$;

- Giai đoạn 2 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày Giấy phép hết hiệu lực): thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 1,0$ và $K_f = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K = 1$. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giới hạn tối đa của thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	
			Từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày giấy phép hết hiệu lực
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt/Co	150	50
3	pH	-	5,5 đến 9	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	45	27
5	COD	mg/l	135	67,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90	45
7	Asen	mg/l	0,09	0,045
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,009	0,005
9	Chi	mg/l	0,45	0,09
10	Cadimi	mg/l	0,09	0,045
11	Crom (VI)	mg/l	0,09	0,045

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	
			<i>Từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2021</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày giấy phép hết hiệu lực</i>
12	Crom (III)	mg/l	0,9	0,18
13	Đồng	mg/l	1,8	1,8
14	Kẽm	mg/l	2,7	2,7
15	Niken	mg/l	0,45	0,18
16	Mangan	mg/l	0,9	0,45
17	Sắt	mg/l	4,5	0,9
18	Tổng xianua	mg/l	0,09	0,063
19	Tổng phenol	mg/l	0,45	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9	4,5
21	Sunfua	mg/l	0,45	0,18
22	Florua	mg/l	9	4,5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	9	4,5
24	Tổng nitơ	mg/l	36	18
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,4	3,6
26	Clo dư	mg/l	1,8	0,9
27	Tổng PCB	mg/l	0,009	0,002
28	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	500
29	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	5
30	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000	3.000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải:

a) Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí mương quan trắc nước thải đối với hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 và tại vị trí sau bể khử trùng đối với hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2 trước khi xả ra sông Lạch Tray, như sau:

- Từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các thông số: pH, Nhiệt độ, COD, TSS và lưu lượng nước thải;

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày giấy phép hết hiệu lực đối với các thông số: pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí mương quan trắc nước thải đối với hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 và tại vị trí sau bể khử trùng đối với hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2 trước khi xả ra sông Lạch Tray đối với các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.

4. Hoàn thành việc lắp đặt hệ thống thiết bị và thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý đối với thông số Amoni trước ngày 01 tháng 01 năm 2020; hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành hồ để phòng ngừa, ứng phó sự cố với dung tích tối thiểu 12.000m³ trước ngày 01 tháng 01 năm 2021; hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Trảng Duệ - Khu A trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 để bảo đảm xử lý các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thu gom, xử lý và quản lý nước thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.

7. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Trảng Duệ - khu A gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định về báo cáo.

8. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép.

Điều 3. Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Sở TN&MT thành phố Hải Phòng;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục thuế thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT-041.18) (02), TNN (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

